

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2011/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 26 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo
tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
Luật Giáo dục;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về
lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị
định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon
Tum đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo tỉnh
Kon Tum giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 173/TTr-
SGDDT ngày 12/12/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum
giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2025, với một số nội dung chủ yếu
sau:

1. Mục tiêu:

1. Mục tiêu chung:

- Giảm bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục giữa các nhóm dân cư, trẻ
khuyết tật và vùng dân tộc thiểu số.

- Tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng mạng lưới trường học, phát triển
giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

- Nâng cao chất lượng dạy và học, thực hiện đổi mới chương trình nội
dung sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy.

- Hoàn thành các chỉ tiêu về giáo dục trong chương trình nông thôn mới.

1.2. Các mục tiêu chủ yếu:**1.2.1. Giáo dục mầm non:**

- Đến năm 2015:
 - + Huy động trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ trên 20% .
 - + Huy động trẻ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 80-85%.
 - + Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.
 - + Trên 25% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và xoá hết các phòng học tạm.
 - + 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn 46-47%.
- Đến năm 2020:
 - + Trẻ mẫu giáo suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 10%.
 - + Huy động trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ: trên 30%.
 - + Huy động trẻ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 90-95%.
 - + Trên 25% số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
 - + 50% giáo viên trên chuẩn.

1.2.2. Giáo dục Tiểu học:

- Đến năm 2015:
 - + Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,8%; học sinh học 2 buổi/ngày đạt 60-70% .
 - + Duy trì 100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi.
 - + 50% số trường tổ chức dạy học Ngoại ngữ, 40% số trường dạy học Tin học. Trong đó 45% học sinh lớp 3 được học Anh văn theo chương trình mới.
 - + Trên 45% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; 28 trường tiểu học đủ điều kiện để phát triển thành trường Phổ thông Dân tộc bán trú.
 - + 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn 77%.
- Đến năm 2020:
 - + Huy động trẻ 6-11 tuổi học tiểu học đạt tỷ lệ 99%, trong đó riêng trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 99,9%; học sinh học 2 buổi/ngày đạt trên 80%.
 - + 70% học sinh được học Tin học và Ngoại ngữ. Trong đó 100% học sinh lớp 3 được học Anh văn theo chương trình mới.
 - + Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2.
 - + 50% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia cả mức độ 1 và mức độ 2.
 - + Giáo viên trên chuẩn 85%.

1.2.3. Giáo dục Trung học cơ sở:

- Đến năm 2015:
 - + Huy động trẻ 11-14 tuổi vào học trung học cơ sở đạt 95%; học sinh được công nhận hết bậc tiểu học hàng năm vào học các lớp trung học cơ sở đạt 99%; đối với những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt 97% trở lên.
 - + 20% học sinh lớp 6 được học Anh văn theo chương trình mới.

+ Trên 20% trường đạt chuẩn quốc gia; 43 trường đủ điều kiện để phát triển thành trường Phổ thông Dân tộc bán trú .

+ 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn 64%.

- Đến năm 2020:

+ Huy động trẻ 11-14 tuổi vào học trung học cơ sở đạt 99,5%. Đối với những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt tỷ lệ 97% trở lên.

+ 70% học sinh lớp 6 được học Anh văn theo chương trình mới.

+ Trên 24% số trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Giáo viên trên chuẩn 85%.

+ 100% số trường được trang bị phòng máy vi tính; 100% học sinh được học Tin học và truy cập internet.

1.2.4. Giáo dục Trung học phổ thông:

- Đến năm 2015:

+ Huy động học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung học phổ thông đạt 70%.

+ 20% học sinh lớp 10 được học Anh văn theo chương trình mới.

+ Trên 30% số trường đạt chuẩn quốc gia.

+ 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn 16%.

- Đến năm 2020:

+ Huy động học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung học phổ thông đạt trên 80%.

+ 100% trường thực hiện học 2 buổi/ngày.

+ 70% học sinh lớp 10 được học Anh văn theo chương trình mới.

+ Trên 33% trường đạt chuẩn quốc gia.

+ 40% huyện, thành phố được công nhận phổ cập giáo dục trung học.

+ Giáo viên trên chuẩn 30%.

1.2.5. Giáo dục thường xuyên:

- Đến năm 2015: 100% xã, phường có trung tâm học tập cộng đồng và có 70% người lao động được tham gia học tập, cập nhật kiến thức.

- Đến năm 2020, có 100% các huyện, thành phố có Trung tâm giáo dục thường xuyên.

1.2.6. Giáo dục Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp:

- Phân luồng sau trung học cơ sở và liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo để đến năm 2015 có đủ khả năng tiếp nhận 30% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học tại các trường chuyên nghiệp và trung tâm dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum thành trường Đại học. Nâng cấp trường Trung học Y tế thành trường Cao đẳng Y tế Kon Tum.

1.2.7. Giáo dục dân tộc:

- Thực hiện đào tạo học sinh dân tộc thiểu số chất lượng cao, có đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, địa phương trong thời kỳ mới.

- Đến năm 2015, hoàn thiện việc nâng cấp, mở rộng quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú. Xây dựng và phát triển hệ thống trường Phổ thông dân tộc bán trú.

- Đến năm 2020 có 05 trường phổ thông dân tộc nội trú đạt chuẩn Quốc gia.

- Triển khai thực hiện phát triển giáo dục đối với hai dân tộc rất ít người Brâu và Rơ Măm.

- Hình thành một số trường trung học phổ thông hoặc phân hiệu trường trung học phổ thông theo cụm xã vùng dân tộc thiểu số nơi có đủ điều kiện và nhu cầu học tập. Xây dựng ký túc xá tại các trung tâm huyện cho học sinh cấp trung học phổ thông (không thuộc diện hưởng chế độ nội trú) ở vùng sâu, vùng xa có nơi ở, sinh hoạt.

2. Một số nhóm giải pháp chủ yếu:

(1) Đổi mới cơ chế, chính sách giáo dục; tăng cường công tác quản lý.

(2) Tăng cường sở sở vật chất, trang thiết bị giáo dục.

(3) Tăng cường nguồn lực tài chính cho giáo dục.

(4) Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

(5) Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục.

3. Một số chính sách từ ngân sách tỉnh:

3.1. Đào tạo học sinh dân tộc thiểu số chất lượng cao:

- Tuyển chọn học sinh dân tộc thiểu số từ lớp 6 đến lớp 12, mỗi khối lớp 70 học sinh, bắt đầu tuyển sinh lớp 6 từ năm học 2012-2013.

- Nơi đào tạo: Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh.

- Chế độ học sinh, giáo viên: Như chế độ trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Đối tượng học sinh: Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn.

3.2. Cấp học bổng cho học sinh thuộc đội tuyển của tỉnh tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia:

- Đối tượng: Học sinh trung học phổ thông được tuyển chọn vào đội tuyển của tỉnh để dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia (tuyển chọn theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Mức học bổng: 5 triệu đồng/học sinh/năm học.

4. Nhu cầu kinh phí thực hiện quy hoạch:

- Giai đoạn 2011-2015: 8.501.534 triệu đồng. Trong đó: ngân sách nhà nước 7.931.781 triệu đồng (chiếm 93,3%), xã hội hóa 569.753 triệu đồng (chiếm 6,7%).

- Giai đoạn 2016-2020: 13.244.874 triệu đồng. Trong đó: ngân sách nhà nước 11.430.172 triệu đồng (chiếm 86,2%), xã hội hóa 1.814.720 triệu đồng (chiếm 13,8%).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các cơ sở giáo dục và đào tạo, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các kế hoạch sau:

+ Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2012-2015.

+ Phát triển hệ thống trường Phổ thông dân tộc bán trú giai đoạn 2012-2015.

+ Xây dựng các trường chất lượng cao giai đoạn 2012-2015.

+ Đào tạo học sinh dân tộc thiểu số chất lượng cao.

+ Xã hội hóa giáo dục giai đoạn 2012-2015.

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với nhiệm vụ phát triển từng thời kỳ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Theo chức năng nhiệm vụ, khi thẩm định giao kế hoạch kinh tế-xã hội hàng năm cho các ngành, huyện, thành phố phải quan tâm đến quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo.

3. Sở Tài chính: Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch Giáo dục và Đào tạo của tỉnh bố trí và cân đối nguồn kinh phí hợp lý theo các mục tiêu quy hoạch.

4. Sở Tài nguyên-Môi trường: Trong quy hoạch đất đai đảm bảo bố trí quỹ đất xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đơn vị đến năm 2020 và kế hoạch kinh tế-xã hội hàng năm phải phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo đến 2020 của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục và đào tạo hàng năm phải sát với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện, thành phố đã được duyệt, đặc biệt chú ý thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như chương trình đào tạo nghề cho nông dân, chương trình thay sách giáo khoa phổ thông, chương trình kiên cố hoá trường lớp... Thực hiện tốt chế độ chính sách cho giáo viên, cho học sinh, đặc biệt là học sinh các dân tộc miền núi, vùng khó khăn.

- Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục để huy động mọi nguồn lực hỗ trợ cho giáo dục của địa phương.

- Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành chức năng.

7. Cơ sở giáo dục

- Phối hợp với các ngành trong quá trình triển khai quy hoạch.

- Huy động mọi nguồn lực để đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của cơ sở hàng năm và trong từng thời kỳ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hàng năm tổ chức thực hiện kế hoạch được giao, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Nguyễn Văn Hùng